
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KHỐI 7
HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2023-2024

TT	Tên môn	Trang
1	Môn Toán	2
2	Môn Ngữ Văn	3
3	Môn Khoa học Tự nhiên	4
4	Môn Lịch sử - Địa lý	24
5	Môn Giáo dục công dân	31
6	Môn Công nghệ	40
7	Môn Tiếng Anh	45
8	Môn Tin học	50

Trung Sơn Trầm, ngày tháng 04 năm 2024

KÝ DUYỆT CỦA BGH

MÔN TOÁN 7

I. PHẦN ĐẠI SỐ.

1. Một số yếu tố thống kê và xác suất. Biểu đồ.
2. Biểu thức đại số. Đa thức một biến. Nghiệm của đa thức một biến.
3. Phép cộng, phép trừ đa thức một biến.
4. Phép nhân, phép chia đa thức một biến.

II. PHẦN HÌNH HỌC

1. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện.
2. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.
3. Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác; áp dụng chứng minh các bài toán liên quan.
4. Chứng minh tam giác cân, tam giác vuông, tam giác đều.
5. Tính chất 3 đường trung tuyến, 3 đường phân giác, 3 đường trung trực, 3 đường cao của tam giác; áp dụng để chứng minh: hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, đường phân giác của một góc, đường trung tuyến của tam giác, 3 điểm thẳng hàng...

MÔN NGŨ VĂN 7

I. Đọc - Hiểu văn bản:

- 1 - Truyện ngụ ngôn.
- 2 - Văn bản nghị luận.

II. Thực hành tiếng Việt:

1. Thành ngữ.
2. Liên kết trong văn bản.
3. Các biện pháp tu từ.

III. Viết:

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7

I. TRẮC NGHIỆM

1. CHỦ ĐỀ 6: TỪ

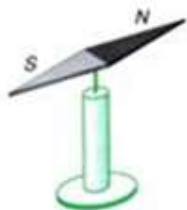
Câu 1. Nam châm là gì ?

- A. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bằng sắt, thép...
- B. Là những vật có từ tính có thể đẩy được các vật bằng sắt, thép...
- C. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bất kì
- D. Là những vật có từ tính có thể hút được các vật bằng kim loại

Câu 2: Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

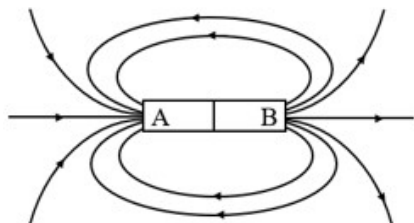
- A. Nam châm có nhiều dạng khác nhau nhưng mỗi nam châm đều có (1) cực.
- B. Vật liệu có tương tác từ với nam châm được gọi là vật liệu có (2)
.....
- C. Cao su, giấy, vải là các vật liệu (3) từ tính.
- D. Sắt, thép, cobalt, nickel là các vật liệu (4) từ tính.

Câu 3 : Đặt kim nam châm trên giá thẳng đứng như hình sau. Khi đứng cân bằng, kim nam châm nằm dọc theo hướng nào?



- A. Đông – Tây
- B. Đông bắc - Tây nam
- C. Bắc – Nam
- D. Tây bắc - Đông Nam

Câu 4. Hình dưới đây cho biết một số đường sức từ của nam châm thẳng. Hãy xác định tên hai cực của nam châm dưới đây?



- A. A là cực Bắc, B là cực Nam.
- B. A là cực Nam, B là cực Bắc.
- C. A và B đều là cực Bắc.
- D. A và B đều là cực Nam.

Câu 5. Chọn câu trả lời đúng. Trên thanh nam châm chỗ nào hút magnet sắt mạnh nhất:

- A. Phần giữa của thanh
- B. Chỉ có từ cực Bắc
- C. Cả hai từ cực
- D. Mọi chỗ đều hút magnet sắt mạnh như nhau

Câu 6. Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?

- A. Khi hai cực Bắc để gần nhau
- B. Khi để hai cực khác tên gần nhau
- C. Khi hai cực Nam để gần nhau
- D. Khi để hai cực cùng tên gần nhau

Câu 7. Vì sao có thể nói Trái Đất là một thanh nam châm khổng lồ?

- A. Vì Trái Đất hút tất cả các vật về phía nó.
- B. Vì Trái Đất hút các vật bằng magnet sắt thép mạnh hơn các vật làm bằng vật liệu khác.
- C. Vì không gian bên trong và xung quanh Trái Đất tồn tại từ trường.
- D. Vì trên bề mặt Trái Đất có nhiều mỏ đá nam châm.

Câu 8. Từ trường Trái Đất mạnh nhất ở

- A. Vùng xích đạo
- B. Vùng địa cực
- C. Vùng đại dương
- D. Vùng có nhiều quặng magnet sắt

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Cực Bắc địa từ trùng với cực Nam địa lí.
- B. Cực Bắc địa từ trùng với cực Bắc địa lí.
- C. Cực Nam địa từ trùng với cực Nam địa lí.
- D. Cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.

Câu 10. La bàn là một dụng cụ dùng để xác định

- A. khối lượng một vật.
- B. phương hướng trên mặt đất.
- C. trọng lượng của vật.
- D. nhiệt độ của môi trường sống.

Câu 11. Cấu tạo của nam châm điện gồm:

- A. Một lõi magnet sắt non và cuộn dây dẫn có dòng điện chạy qua quấn quanh lõi magnet sắt non.
- B. Một lõi thép và cuộn dây có dòng điện chạy qua dẫn quấn quanh lõi thép.
- C. Một lõi kim loại và cuộn dây dẫn có dòng điện chạy qua quấn quanh lõi kim loại.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 12. Một cần cầu điện có thể tạo ra một lực lớn có thể nân thùng container nặng hàng chục tấn, theo em làm thế nào để tăng lực từ của cần cầu điện này.

- A. tăng độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.
- B. giảm độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.
- C. có thể tăng hoặc giảm độ lớn của dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn.
- D. không có phương án nào.

Câu 13. Cách nào dưới đây **không** làm thay đổi độ lớn lực từ của nam châm điện?

- A. Thay đổi cường độ dòng điện chạy qua ống dây.
- B. Thay đổi số vòng dây của nam châm điện.
- C. Thay đổi chiều dài ống dây của nam châm điện.
- D. Thay đổi chiều dòng điện của nam châm.

Câu 14. Khi đảo chiều dòng điện chạy qua một nam châm điện thì:

- A. nó không còn hút vật liệu từ nữa
- C. nó bị mất hết từ tính
- B. nó đẩy vật liệu từ ra xa
- D. hai cực từ của nó đảo chiều

Câu 15. Đường sức từ của nam châm không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Càng gần hai cực, các đường sức từ càng gần nhau hơn.
- B. Mỗi một điểm trong từ trường chỉ có một đường sức từ đi qua.
- C. Đường sức từ ở cực Bắc luôn nhiều hơn ở cực Nam.
- D. Đường sức từ có hướng đi vào cực Nam và đi ra cực Bắc của nam châm.

Câu 16. Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết sự tồn tại của từ trường?

- A. Nhiệt kế.
- B. Đồng hồ.
- C. Kim nam châm có trục quay.
- D. Cân.

2. CHỦ ĐỀ 7: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT

Câu 1. Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là

- A. rễ cây.
- B. thân cây.
- C. lá cây.
- D. hoa.

Câu 2. Quá trình quang hợp diễn ra chủ yếu trong bào quan nào?

- A. Lục lạp (chứa chất diệp lục) của tế bào lá cây.
- B. Lục lạp (chứa chất diệp lục) của tế bào thân cây.
- C. Ty thể (chứa chất diệp lục) của tế bào lá cây.

D. Ty thể (chứa chất diệp lục) của tế bào thân cây.

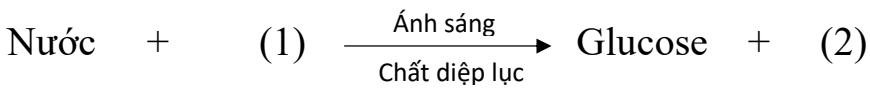
Câu 3. Trồng và bảo vệ cây xanh mang lại những lợi ích gì?

1. Cung cấp thức ăn cho các sinh vật.
2. Cân bằng hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí.
3. Hạn chế quá trình sử dụng các phương tiện giao thông.
4. Làm sạch không khí.
5. Điều hòa khí hậu

Lợi ích của trồng và bảo vệ rừng bao gồm?

- A. 1,2,3,4,5. B. 1,2,3,4. C. 1,2,4,5. D. 1,2,3,5.

Câu 4. Cho sơ đồ tóm tắt về quang hợp như sau:



Chọn đáp án hoàn thiện sơ đồ trên:

- A. (1) Oxygen; (2) Carbon dioxide B. (1) Carbon dioxide; (2) Oxygen
C. (1) Carbon oxen; (2) Oxygen D. (1) Oxygen dioxide; (2) Oxygen

Câu 5. Nói về hô hấp tế bào, điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Quá trình hô hấp tế bào chủ yếu diễn ra trong nhân tế bào.
B. Đó là quá trình biến đổi các chất hữu cơ thành carbon dioxide, nước và giải phóng năng lượng.
C. Nguyên liệu cho quá trình hô hấp là chất hữu cơ và oxygen.
D. Quá trình hô hấp tế bào diễn ra trong ti thể.

Câu 6. Quá trình hô hấp có ý nghĩa

- A. đảm bảo sự cân bằng oxygen và carbon dioxide trong khí quyển.
B. tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể sinh vật.
C. làm sạch môi trường.
D. chuyển hoá carbon dioxide thành oxygen.

Câu 7. Cơ chế khuếch tán . Các phân tử khí di chuyển từ nơi có ...(1)... đến nơi có (2)

- A. (1) nồng độ cao (2) nồng độ thấp
B. (1) nồng độ thấp (2) nồng độ cao
C. (1) nhiều ánh sáng (2) ít ánh sáng
D. (1) Nhiệt độ cao (2) nhiệt độ thấp

Câu 8. Khí khổng có vai trò gì đối với lá cây?

- A. Giúp cây quang hợp và hô hấp
- B. Giúp cây tổng hợp chất dinh dưỡng
- C. Giúp lá có màu xanh.
- D. Giúp trao đổi các loại khí và thoát hơi nước.

Câu 9. Hai tế bào tạo thành khí khổng có hình dạng gì?

- A. Hình yên ngựa.
- B. Hình lõm hai mặt.
- C. Hình hạt đậu.
- D. Có nhiều hình dạng.

Câu 10. Sắp xếp các bộ phận sau theo đúng thứ tự của cơ quan hô hấp ở người: phổi, khí quản, khoang mũi, thanh quản, phế quản.

- A. Khoang mũi, khí quản, thanh quản, phế quản, phổi.
- B. Khoang mũi, thanh quản, khí quản, phế quản, phổi.
- C. Khoang mũi, phế quản, khí quản, thanh quản, phổi.
- D. Khoang mũi, phổi, khí quản, thanh quản, phế quản.

Câu 11. Trong các phát biểu dưới đây, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về phân tử nước?

- (1) Nước được cấu tạo từ hai nguyên tử oxygen liên kết với một phân tử hydrogen.
 - (2) Trong phân tử nước, đầu oxygen tích điện âm còn đầu hydrogen tích điện dương.
 - (3) Do có hai đầu tích điện trái dấu nhau nên phân tử nước có tính lưỡng tính.
 - (4) Nước có thể liên kết với một phân tử bất kì khác.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12. Ở động vật, chất dinh dưỡng gồm:

- A. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), protein (chất đạm), vitamin và chất khoáng
- B. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), protein (chất đạm)
- C. carbohydrate (chất bột đường), lipit (chất béo), vitamin và chất khoáng
- D. vitamin và chất khoáng

Câu 13. Vai trò của carbohydrate đối với cơ thể sinh vật là:

- A. tham gia cấu tạo màng sinh chất, dự trữ và cung cấp năng lượng cho cơ thể
- B. tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng, điều hòa các hoạt động của tế bào và cơ thể, vận chuyển các chất, ...

C. tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể

D. tham gia cấu tạo tế bào, enzyme, ... Tham gia vào nhiều hoạt động chức năng sinh lí của tế bào và cơ thể (trao đổi chất, miễn dịch, ...).

Câu 14. Ở thực vật, dựa vào tỉ lệ có trong tế bào muối khoáng được chia thành:

A. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: C, H, O, N, P, ... và nhóm có tỉ lệ nhỏ: Fe, Zn, Cu, Mo, ...

B. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: Fe, Zn, Cu, Mo, ... và nhóm có tỉ lệ nhỏ: C, H, O, N, P, ...

C. nhóm chiếm tỉ lệ nhiều: Fe, Zn, Cu, Mo, ... và nhóm có tỉ lệ ít: C, H, O, N, P, ...

D. nhóm chiếm tỉ lệ lớn: Fe, Zn, Cu, C, H, O, ... và nhóm có tỉ lệ nhỏ: Cu, Mo...

Câu 15. Các chất dinh dưỡng có vai trò:

1) Cung cấp nguyên liệu cấu tạo nên các thành phần của tế bào

2) Giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển

3) Giữ ấm cho cơ thể

4) Là dung môi hòa tan và vận chuyển các chất

5) Cung cấp năng lượng

6) Tham gia điều hòa các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.

A. 1,2,5,6

B. 1,2,4,5,6

C. 2,4,5,6

D. 1,2,6

Câu 16. Nước có những vai trò gì đối với cơ thể sinh vật?

(1) Vận chuyển các chất trong cơ thể sinh vật.

(2) Tạo môi trường liên kết các thành phần khác nhau trong cơ thể.

(3) Điều hoà thân nhiệt.

(4) Tạo ra năng lượng cho cơ thể.

(5) Cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể sử dụng.

(6) Môi trường sống cho nhiều loài sinh vật.

(7) Môi trường hoà tan nhiều chất cần thiết.

A. 1,2,5,6,7

B. 1,2,3,5,6

C. 2,4,5,6,7

D. 1,2,3,6,7

Câu 17. Nước và muối khoáng từ môi trường ngoài được rễ hấp thụ nhờ

A. lông hút.

B. vỏ rễ.

C. mạch gỗ.

D. mạch rây.

Câu 18. Con đường hấp thụ, vận chuyển của nước và muối khoáng từ môi trường đất vào mạch gỗ của rễ là:

- A. Từ lông hút → Tế bào thịt vỏ → mạch gỗ của rễ.
 B. Từ tế bào thịt vỏ → lông hút → mạch gỗ của rễ.
 C. Từ lông hút → Tế bào thịt vỏ → mạch gỗ của thân.
 D. Từ mạch gỗ của rễ → lông hút → Tế bào thịt vỏ.

Câu 19. Mạch gỗ trong thân cây chủ yếu vận chuyển các chất

- A. Nước
 B. Nước và muối khoáng
 C. Muối khoáng
 D. Chất hữu cơ

Câu 20. Mạch rây trong thân cây chủ yếu vận chuyển các chất

- A. Nước
 B. Nước và muối khoáng
 C. Chất hữu cơ
 D. Muối khoáng

Câu 21. Quá trình thoát hơi nước có những ý nghĩa nào sau đây ?

- (1) Tạo động lực cho sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch rây.
 (2) Điều hoà nhiệt độ bề mặt lá.
 (3) Giúp khuếch tán khí CO₂ vào trong lá để cung cấp cho quá trình quang hợp.
 (4) Giúp khuếch tán khí O₂ từ trong lá ra ngoài môi trường.

- A. 1,2
 B. 1,2,3,4
 C. 1,4
 D. 2,3,4

Câu 22. Khi đưa cây đi trồng nơi khác, người ta thường làm gì để tránh cho cây không bị mất nước?

- A. Nhúng cây ngập vào nước
 B. Tưới đẫm nước cho cây
 C. Tia bột cành lá
 D. Cắt ngắn rễ

Câu 23. Tại sao khi trời nóng, chúng ta cần uống nhiều nước hơn?

- A. Cơ thể cần uống nước vào những ngày nắng nóng để dự trữ nước cho mùa đông.
 B. Vào ngày nắng nóng, nhiệt độ môi trường tăng cao, cơ thể điều hòa nhiệt bằng cách đổ mồ hôi làm mất nước.
 C. Khi trời nóng, các tuyến mồ hôi được kích hoạt và làm tăng nhiệt độ cơ thể làm mất nước.
 D. Khi trời nóng, thận tăng tốc độ làm việc nên đào thải ra nhiều nước tiểu khiến cơ thể mất nước.

Câu 24. Nhu cầu nước ở động vật phụ thuộc vào các yếu tố nào?

- A. Tùy theo loài, nhiệt độ môi trường, loại thức ăn, giới tính, cường độ hoạt động, tình trạng sức khỏe...
 B. Loài càng lớn càng cần nhiều nước.

C. Phụ thuộc chủ yếu vào người nuôi.

D. Tỷ lệ thuận với sự tiến hóa của loài.

Câu 25. Người trưởng thành cần cung cấp bao nhiêu lít nước mỗi ngày ?

A. 0,5 – 1L

B. 1.5 – 2 L

C. 2 – 2.5L

D. 2,5 – 3L

Câu 26. Trong ống tiêu hóa của người, thức ăn được vận chuyển theo thứ tự:

A. Miệng → Ruột non → dạ dày → hầu → ruột già → hậu môn

B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → → trực tràng → hậu môn

C. Miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn → trực tràng

D. Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

Câu 27. Trong cơ thể người, nước được vận chuyển đến các tế bào và các cơ quan trong cơ thể thông qua hoạt động của

A. hệ tuần hoàn.

B. hệ hô hấp.

C. hệ bài tiết.

D. hệ thần kinh.

Câu 28. Cho bảng thông tin sau:

Cơ quan tiêu hóa	Chức năng
(1) Miệng (2) Ruột non (3) Dạ dày (4) Ruột già	(a) tiêu hóa hoàn toàn thức ăn và hấp thụ các chất dinh dưỡng vào máu. (b) thu nhận và nghiền thức ăn, sau đó, đẩy thức ăn xuống thực quản. (c) chủ yếu hấp thụ nước và một số ít chất còn lại, tạo phân và chất khí. (d) tiêu hóa một phần thức ăn nhờ sự co bóp và enzyme tiêu hóa.

Hãy ghép thông tin cơ quan tiêu hóa với chức năng tương ứng.

A. 1-b, 2-a, 3-c, 4-d.

B. 1-b, 2-a, 3-d, 4-c.

C. 1-a, 2-b, 3-c, 4-d.

D. 1-a, 2-c, 3-b, 4-d.

Câu 29. Quá trình tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở người được thực hiện thông qua các hoạt động gồm

A. thu nhận và biến đổi thức ăn.

B. thu nhận, biến đổi thức ăn và hấp thụ các chất dinh dưỡng.

C. thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã.

D. thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ các chất dinh dưỡng và vận chuyển các chất.

Câu 30: Các chất dinh dưỡng được biến đổi trong hệ tiêu hóa sẽ được hấp thụ vào cơ thể người qua

A. Máu

B. Thành dạ dày

C. Dịch tiêu hóa

D. Ruột già

3. CHỦ ĐỀ 8. CẢM ỨNG Ở SINH VẬT VÀ TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

Câu 1. Cảm ứng ở sinh vật là

A. khả năng tiếp nhận kích thích và phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên trong và bên ngoài cơ thể.

B. khả năng tiếp nhận kích thích từ môi trường bên trong cơ thể.

C. khả năng phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên ngoài cơ thể.

D. khả năng tiếp nhận kích thích và phản ứng lại các kích thích từ môi trường bên ngoài cơ thể.

Câu 2 .Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào **không** phải là cảm ứng ở thực vật ?

A. Lá cây bàng rụng vào mùa hè.

B. Lá cây xoan rụng khi có gió thổi mạnh.

C. Hoa hướng dương hướng về phía Mặt Trời.

D. Cây nắp ấm bắt mồi.

Câu 3. Hình bên chứng minh cho hiện tượng cảm ứng nào ở thực vật?

A. Tính hướng đất âm của rễ, hướng sáng dương của thân.

B. Tính hướng tiếp xúc.

C. Tính hướng hoá.

D. Tính hướng nước.



Câu 4. Vai trò của cảm ứng ở sinh vật là:

A. giúp sinh vật phản ứng lại các kích thích của môi trường để tồn tại và phát triển.

B. giúp sinh vật tạo ra những cá thể mới để duy trì liên tục sự phát triển của loài.

C. giúp sinh vật tăng số lượng và kích thước tế bào để đạt khối lượng tối đa.

D. giúp sinh vật có tư duy và nhận thức học tập để đảm bảo sự tồn tại và phát triển.

Câu 5. Hiện tượng cây phát triển về phía có nguồn dinh dưỡng gọi là

A. tính hướng tiếp xúc.

B. tính hướng sáng.

C. tính hướng hoá.

D. tính hướng nước.

Câu 6. Hiện tượng rễ cây phát triển về phía có nguồn dinh dưỡng gọi là

A. tính hướng tiếp xúc.

B. tính hướng sáng.

C. tính hướng hóa.

D. tính hướng nước.

Câu 7. Khi đặt chậu cây cạnh cửa sổ, ngọn cây sẽ mọc hướng ra bên ngoài cửa sổ. Tác nhân gây ra hiện tượng cảm ứng này là

A. cửa sổ.

B. ánh sáng.

C. độ ẩm không khí.

D. nồng độ oxygen.

Câu 8. Để chứng minh thực vật có tính hướng tiếp xúc trong thí nghiệm, nên sử dụng nhóm mẫu vật nào sau đây?

A. Cây đậu cô ve, bầu, bí, mướp.

B. Cây hoa hướng dương, bầu, bí, mướp.

C. Cây cà, bầu, bí, mướp, dưa chuột.

D. Cây hoa mười giờ, cây hoa hướng dương.

Câu 9. Khi trồng các loài cây thân leo như bầu, bí, mướp,... người ta thường làm giàn cho cây leo. Đây là ứng dụng dựa trên

A. tính hướng hóa.

B. tính hướng nước.

C. tính hướng tiếp xúc.

D. tính hướng ánh sáng.

Câu 10. Khi trồng cây cạnh bờ ao, sau một thời gian sẽ có hiện tượng nào sau đây?

A. Rễ cây mọc dài về phía bờ ao.

B. Rễ cây mọc ngược hướng bờ ao.

C. Thân cây uốn cong theo hướng ngược lại với bờ ao.

D. Thân cây uốn cong theo hướng bờ ao.

Câu 11. Tập tính động vật là

A. một số phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

B. chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường bên ngoài cơ thể, nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

C. những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

D. chuỗi phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể), nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại

Câu 12. Tập tính ở động vật được chia thành những loại nào?

A. Tập tính bẩm sinh và tập tính di truyền.

B. Tập tính bẩm sinh và tập tính học được.

C. Tập tính bản năng và tập tính học được.

D. Tập tính bản năng và tập tính di truyền.

Câu 13. Tập tính bẩm sinh là những tập tính

A. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

B. sinh ra đã có, được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

C. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, chỉ có ở cá thể đó.

D. học được trong đời sống, không được thừa hưởng từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

Câu 14. Những tập tính nào là những tập tính bẩm sinh?

A. Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, chuột nghe mèo kêu thì chạy.

B. Ve kêu vào mùa hè, chuột nghe mèo kêu thì chạy.

C. Ve kêu vào mùa hè, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

D. Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

Câu 15. Tập tính học được có đặc điểm

A. hình thành trong đời sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm

B. hình thành trong quá trình phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

C. hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.

D. hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, đặc trưng cho loài.

Câu 16. Người ta làm thí nghiệm nuôi các chim non trong một vùng rộng lớn mà không có chim bố mẹ. Đến khi trưởng thành, các chim con cũng tha rác và có về một chỗ nhưng chúng không làm được tổ. Điều này chứng tỏ

- A. sự chăm sóc của con người đã làm mất bản năng làm tổ ở chim.
- B. tập tính làm tổ được hình thành qua quá trình học tập.
- C. tập tính làm tổ vừa mang tính bẩm sinh, vừa phải học tập.
- D. chỉ những cá thể đã qua sinh sản mới biết làm tổ

4. CHỦ ĐỀ 9: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT

Câu 1. Phát triển là

- A. những biến đổi của cơ thể sinh vật bao gồm ba quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan của cơ thể.
- B. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.
- C. những biến đổi của cơ thể sinh vật dưới tác động trực tiếp của môi trường sống mà không liên quan đến biến đổi vật chất di truyền.
- D. những biến đổi đột ngột của cơ thể sinh vật do biến đổi vật chất di truyền mà không liên quan đến biến đổi điều kiện môi trường sống.

Câu 2. Sinh trưởng là

- A. sự tăng lên về kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước tế bào.
- B. sự tăng lên về khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng tế bào.
- C. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về kích thước tế bào.
- D. sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển?

- A. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ độc lập với nhau; sinh trưởng luôn diễn ra trước phát triển.
- B. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ độc lập với nhau; phát triển luôn diễn ra trước sinh trưởng.

C. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau; sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển còn phát triển sẽ thúc đẩy sinh trưởng.

D. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau; phát triển tạo tiền đề cho sinh trưởng còn sinh trưởng sẽ thúc đẩy phát triển.

Câu 4. Cho bảng thông tin sau:

Quá trình	Biểu hiện
(1) Sinh trưởng (2) Phát triển	(a) Thê trọng lợn con từ 5kg tăng 8kg. (b) Kích thước lá tăng lên. (c) Hạt giống nảy mầm. (d) Cây bưởi ra lá non. (e) Trứng gà nở thành gà con.

Cách ghép nối phù hợp là

A. 1-a,b; 2-c,d,e.

B. 1-a,c; 2-b,d,e.

C. 1-a,d; 2-b,c,e.

D. 1-a,e; 2-b,c,d.

Câu 5. Cơ sở cho sự sinh trưởng của thực vật là sự phân chia của các tế bào thuộc

A. mô mềm.

B. mô xóp.

C. mô dẫn.

D. mô phân sinh.

Câu 6. Mô phân sinh là

A. nhóm các tế bào có khả năng phân chia, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

B. nhóm các tế bào có khả năng cảm ứng, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

C. nhóm các tế bào có khả năng biệt hóa, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

D. nhóm các tế bào có khả năng phản biệt hóa, giúp cho thực vật tăng trưởng về kích thước.

Câu 7. Mỗi sinh vật trong quá trình sống đều trải qua các giai đoạn sinh trưởng và phát triển khác nhau gọi là

A. vòng đời.

B. quá trình sinh trưởng.

C. quá trình phát triển.

D. quá trình biến thái.

B. Thiếu hay thừa dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

C. Nhu cầu dinh dưỡng cho sự sinh trưởng và phát triển của một cá thể là như nhau trong mọi giai đoạn.

D. Để sinh vật sinh trưởng và phát triển bình thường cần thiết lập chế độ ăn uống hợp lí, cân đối.

Câu 17. Biểu hiện của cây khi thừa chất dinh dưỡng là

A. cây sinh trưởng và phát triển kém, thân còi cọc, lá ít và nhạt màu.

B. cây sinh trưởng và phát triển khỏe mạnh, đầy đủ lá, lá xanh mượt.

C. cây sinh trưởng và phát triển quá mạnh nhưng lá ít, nhạt màu, dễ gãy rụng.

D. cây sinh trưởng và phát triển quá mạnh nhưng thân bị yếu, dễ gãy, lá dễ gãy rụng.

Câu 18. Khi sử dụng chất kích thích để điều hòa sinh trưởng và phát triển của cây trồng cần:

A. sử dụng vào thời điểm ngay sau khi hạt nảy mầm hoặc trước khi cây ra hoa để đảm bảo an toàn thực phẩm.

B. tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn sử dụng của các nhà sản xuất và các chuyên gia để đảm bảo an toàn thực phẩm.

C. sử dụng cùng một loại chất kích thích cho tất cả các loại cây trồng để đảm bảo an toàn thực phẩm.

D. sử dụng cùng một liều lượng chất kích thích cho tất cả các giai đoạn sinh trưởng của cây để đảm bảo an toàn thực phẩm.

Câu 19. Cho các biện pháp sau:

(1) Tạo giống lai giữa mướp đắng với mướp cho năng suất cao

(2) Điều chỉnh nhiệt độ buồng nuôi tằm để tạo điều kiện tốt nhất cho tằm phát triển

(3) Trồng xen canh mía và bắp cải để thu được hiệu quả kinh tế cao cho người trồng

(4) Xây dựng chuồng trại theo mô hình khép kín có máng ăn, uống tự động, quạt thông khí làm cho hiệu quả chăn nuôi được tăng rõ rệt

Số biện pháp là ứng dụng các nhân tố môi trường bên ngoài để điều hòa sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi là

A. 1.

B. 2.

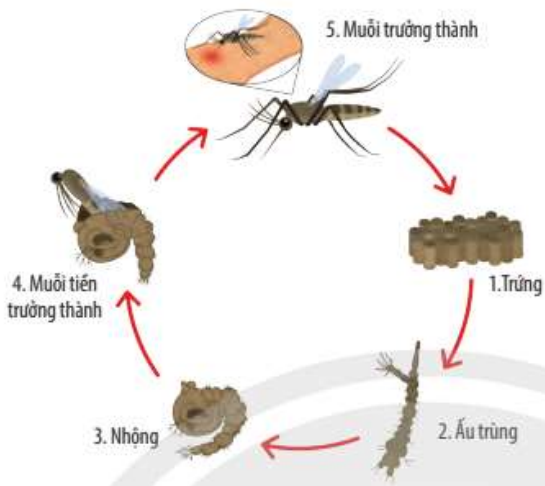
C. 3.

D. 4.

Câu 20. Việc trồng xen canh giữa cây mía và cây bắp cải đem đến lợi ích nào sau đây?

- A. Mía tạo bóng râm cho bắp cải phát triển; bắp cải giúp giữ ẩm cho đất trồng mía, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.
- B. Bắp cải tạo bóng râm cho mía phát triển; mía giúp giữ ẩm cho đất trồng bắp cải, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.
- C. Mía tạo ra chất khoáng cho bắp cải phát triển; bắp cải giúp giữ ẩm cho đất trồng mía, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.
- D. Bắp cải tạo ra chất khoáng cho mía phát triển; mía giúp giữ ẩm cho đất trồng bắp cải, ngăn cản sự phát triển của cỏ dại.

Câu 21. Quan sát vòng đời của muỗi sau đây:



Để tiêu diệt muỗi hiệu quả, nên tác động vào các giai đoạn nào sau đây?

- A. Giai đoạn trứng và giai đoạn ấu trùng.
- B. Giai đoạn trứng và giai đoạn muỗi trưởng thành.
- C. Giai đoạn nhộng và giai đoạn muỗi trưởng thành.
- D. Giai đoạn muỗi tiền trưởng thành và giai đoạn muỗi trưởng thành.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thông tin sau:

- (1)..... ở sinh vật là quá trình cơ thể sinh vật lấy các chất từ ..
- (2)..... cung cấp cho quá trình chuyển hoá trong tế bào, đồng thời thải các chất không cần thiết ra ngoài môi trường.
- (3) là sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
- (4) luôn đi kèm với chuyển hoá năng lượng.

Câu 2. Em hãy dự đoán những quá trình chuyển hoá năng lượng nào diễn ra khi một con báo đang chạy, biết trong tế bào tồn tại nhiều dạng năng lượng khác nhau như cơ năng, nhiệt năng, hoá năng. Giải thích.

Câu 3. Nối các yếu tố môi trường (cột A) với tác động đến quá trình quang hợp hoặc đặc điểm của cây xanh (cột B)

(A) Yếu tố môi trường	(B) Đặc điểm đến quang hợp/ đặc điểm của cây
Ánh sáng	1. Vừa là nguyên liệu của quang hợp, vừa là yếu tố tham gia đóng hoặc mở khí khổng và liên quan đến sự trao đổi khí.
Nhiệt độ	2. Nồng độ quá cao (trên 0.2%) sẽ làm cây chết vì ngộ độc
CO ₂	3. Cây ưa sáng, cây ưa bóng râm
Nước	4. Nhiệt độ thuận lợi cho quang hợp ở hầu hết các loài cây là từ 25°C đến 35°C

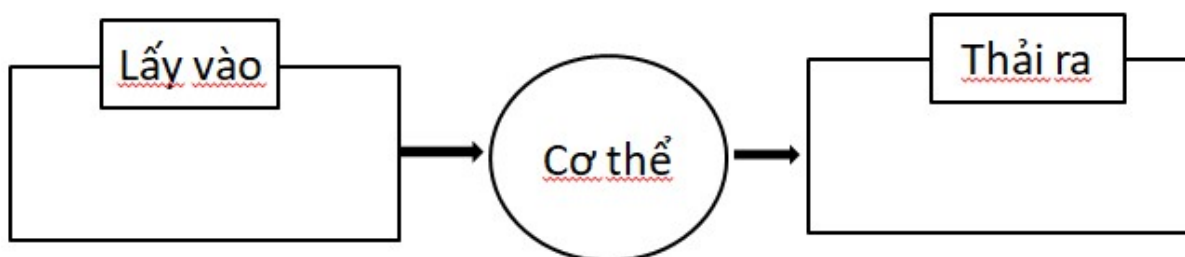
Câu 4.

Trao đổi khí		Khí lấy vào	Khí thải ra
Ở động vật	Hô hấp		
Ở thực vật	Quang hợp		
	Hô hấp		

Câu 5. Hãy tìm hiểu và giải thích các hiện tượng sau:

- Khi cây thiếu nitrogen (N) hay magnesium (Mg), lá sẽ bị vàng.
- Khi cơ thể người thiếu sắt (Fe) sẽ có triệu chứng da xanh xao, mệt mỏi, chóng mặt

Câu 6. Hoàn thành sơ đồ con đường trao đổi nước ở người



Câu 7. Viết sơ đồ thể hiện đường đi của máu trong vòng tuần hoàn phổi và vòng tuần hoàn các cơ quan.

Câu 8. Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi.

Sử dụng các thực phẩm không đảm bảo vệ sinh trước mắt có thể bị ngộ độc cấp tính với các triệu chứng ồ ạt, dễ nhận thấy, nhưng vấn đề nguy hiểm hơn nữa là sự tích lũy dần các chất độc hại ở một số cơ quan trong cơ thể, sau một thời gian mới phát bệnh hoặc có thể gây các dị tật, dị dạng cho thế hệ mai sau. Những ảnh hưởng tới sức khỏe đó phụ thuộc vào các tác nhân gây bệnh. Những trẻ suy dinh dưỡng, người già, người ốm càng nhạy cảm với các bệnh do thực phẩm không an toàn nên càng có nguy cơ suy dinh dưỡng và bệnh tật nhiều hơn.

Do vậy, vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để phòng các bệnh gây ra từ thực phẩm có ý nghĩa thực tế rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội, bảo vệ môi trường sống của các nước đã và đang phát triển, cũng như nước ta.

Mục tiêu đầu tiên của vệ sinh an toàn thực phẩm là đảm bảo cho người ăn tránh bị ngộ độc do ăn phải thức ăn bị ô nhiễm hoặc có chất độc; thực phẩm phải đảm bảo lành và sạch.

(Nguồn: thoxuan.thanhhoa.gov.vn)

- a) Tại sao ăn thức ăn bị ô nhiễm lại gây nguy hiểm cho cơ thể con người?
- b) Nêu những triệu chứng dễ nhận thấy khi bị ngộ độc thức ăn.
- c) Tại sao trẻ suy dinh dưỡng, người già, người ốm càng nhạy cảm với các bệnh do thực phẩm không an toàn gây nên?
- d) Nên làm gì để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng các bệnh gây ra từ thực phẩm bị ô nhiễm?

Câu 9. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn và hệ bài tiết trong quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật.

Câu 10. Giải thích cơ sở của các ứng dụng sau đây: huấn luyện chó kéo xe, huấn luyện khỉ làm xiếc, dùng tiếng chuông gọi cá lên ăn.

Câu 11. Đọc đoạn thông tin sau:

Kiến ba khoang có màu nâu đỏ, mình thon, giữa lưng có một vạch lớn màu đen tạo thành các khoang màu khác nhau trên cơ thể.

Kiến ba khoang thường ẩn nấp trong rơm rạ, bãi cỏ, ruộng, vườn. Chúng làm tổ và đẻ trứng trong đất. Khi ruộng lúa, vườn rau xuất hiện sâu cuốn lá hay rầy nâu, kiến tìm đến, chui vào các tổ sâu để ăn thịt sâu non. Sự xuất hiện của kiến ba khoang đã làm giảm thiểu số sâu cuốn lá đáng kể và bảo vệ hoa màu khỏi sự phá hoại của sâu bệnh. Tuy nhiên gần đây, việc lạm dụng hoá chất bảo vệ thực vật đã làm giảm đáng kể số kiến ba khoang và làm cho chúng mất nơi ẩn nấp. Do đó, theo ánh sáng điện chúng bay vào các khu dân sinh và gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người khi tiếp xúc với chất dịch từ cơ thể kiến tiết ra.

- Hãy cho biết đoạn thông tin nào nói về tập tính của kiến ba khoang?
- Theo em, có nên tiêu diệt kiến ba khoang không? Tại sao?
- Hãy đưa ra đề xuất hạn chế sự xuất hiện của kiến ba khoang trong gia đình.



Câu 12. Hãy tìm hiểu và vẽ vòng đời của mối và cho biết giai đoạn nào của mối gây hại cho đồ dùng, vật dụng, công trình bằng gỗ trong gia đình.

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 7

Phân môn : Địa lý

A. TRẮC NGHIỆM:

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng rồi điền vào ô trống theo mẫu.

Câu 1. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu

- A. Đông. B. Tây. C. Nam. D. Bắc.

Câu 2. Xét về diện tích, châu Mỹ xếp thứ mấy trên Thế giới?

- A. Thứ nhất. B. Thứ hai. C. Thứ ba. D. Thứ tư.

Câu 3: Lục địa Bắc Mỹ và lục địa Nam Mỹ nối với nhau qua kênh đào nào?

- A. Kênh đào Xuy-ê. B. Kênh đào Pa-na-ma.
C. Kênh đào Man-sơ. D. Kênh đào Xô-ma-li.

Câu 4: Chủ nhân của Bắc Mỹ là

- A. Người Anh diêng và người Es-ki-mô.
B. Người Anh diêng và người da đen.
C. Người da đen và người ES-ki-mô.
D. Người Anh diêng và người da trắng.

Câu 5 : Quá trình đô thị hóa ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình nào?

- A. Di dân. B. Chiến tranh.
C. Công nghiệp hoá. D. Tác động của thiên tai.

Câu 6: Châu Mỹ không tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương. B. Bắc Băng Dương.
C. Đại Tây Dương. D. Thái Bình Dương.

Câu 7: Theo chiều Bắc - Nam, Bắc Mỹ có những kiểu khí hậu nào?

- A. Cực và cận cực, ôn đới, nhiệt đới.
B. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới.
C. Hoang mạc, nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa.
D. Ôn đới, cận nhiệt đới, cực và cận cực.

Câu 8: Sông nào có diện tích lớn nhất Bắc Mỹ?

- A. Sông A-ma-dôn. B. Sông Mít-xi-xi-pi.
C. Sông Hoàng Hà. D. Sông Nin.

Câu 9: Đới khí hậu nào chiếm phần lớn lãnh thổ Bắc Mỹ?

- A. Cực và cận cực. B. Nhiệt đới.
C. Hoang mạc. D. Ôn đới.

Câu 10: Một trong những biện pháp để bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở Bắc Mỹ là.

- A. Cấm không cho khai thác. B. Khuyến khích xuất khẩu.
C. Phát triển năng lượng tái tạo. D. Hạn chế phát triển công nghiệp.

Câu 11: Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân để Bắc Mỹ khai thác bền vững tài nguyên rừng?

- A. Nhu cầu sử dụng gỗ đã giảm.
- B. Diện tích rừng suy giảm mạnh.
- C. Đất bị xói mòn, rửa trôi gia tăng.
- D. Nhiều sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Câu 12: Bên cạnh việc trồng rừng, các quốc gia Bắc Mỹ cần sử dụng những phương pháp gì để bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Xây dựng các hệ thống thủy lợi.
- B. Khai thác rừng bền vững.
- C. Hình thành các vùng trồng rừng theo quy mô lớn.
- D. Thành lập “bức tường xanh vĩ đại”.

Câu 13. Lục địa Ôxtrâyli-a nằm giữa 2 đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
- B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 14. Châu Đại Dương có diện tích khoảng

- A. 6,6 triệu km²
- B. 7,7 triệu km²
- C. 8,5 triệu km²
- D. 9,9 triệu km²

Câu 15. Mật độ dân số ở Ô-xtrây-li-a so với thế giới là

- A. Rất thấp.
- B. Thấp.
- C. Trung bình.
- D. Cao.

Câu 16. Mức độ đô thị hóa của Ô-xtrây-li-a

- A. Thấp
- B. Trung bình
- C. Cao.
- D. Rất cao.

Câu 17. Dân cư Ostraylia phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Ven biển phía Đông, Đông Nam, Tây Nam.
- B. Đồng bằng và trong nội địa
- C. Ven biển phía Tây.
- D. Phân bố đều khắp lục địa.

Câu 18. Các khoáng sản chính của Châu Đại Dương là.

- A. Boxit, niken, sắt, than đá, dầu mỏ.
- B. Boxit, thiếc, sắt, than đá, dầu mỏ.
- C. Đồng, thiếc, sắt, than đá, dầu mỏ.
- D. Boxit, niken, sắt, than đá, Chì.

Câu 19. Việc khai thác khoáng sản ở O-xtray-li-a gây hậu quả gì?

- A. Ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên.
- B. Ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế.
- C. Tài nguyên cạn kiệt, không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.
- D. Trở thành nước xuất khẩu khoáng sản lớn nhất thế giới.

Câu 20. Đặc điểm nào sau đây không đúng về tình hình dân cư Châu Đại Dương.

- A. Người bản địa chiếm tỉ lệ ít. B. Dân cư phân bố không đều
C. Mật độ dân số thấp nhất thế giới. D. Tỉ lệ dân thành thị thấp.

Câu 21: Động vật mang tính biểu tượng của Ô-xtrây-li-a là

- A. Gấu trúc. B. Căng-gu-ru.
C. Chim cánh cụt. D. Cá sấu.

Câu 22: Dải đất hẹp phía nam lục địa Ô-xtrây-li-a có kiểu khí hậu sao sau đây?

- A. Cận nhiệt đới. B. Hàn đới.
C. Nhiệt đới. D. Ôn đới.

Câu 23. Các thành phố lớn ở Ô-xtrây-li-a đều nằm tập trung ở khu vực nào sau đây?

- A. Ven biển phía bắc và phía tây. B. Sơn nguyên tây Ô-xtrây-li-a.
C. Đồng bằng Trung Tâm. D. Ven biển phía đông và phía nam.

Câu 24: Phía tây lục địa Ô-xtrây-li-a là dạng địa hình

- A. Đồng bằng. B. Núi cao. C. Sơn nguyên. D. Núi thấp.

Câu 25: Do điều kiện sống khắc nghiệt nên thực vật ở châu Nam Cực tập trung ở

- A. Ven lục địa. B. Trên các đảo.
C. Trong lục địa. D. Trên các lớp băng.

B. TỰ LUẬN:

Câu 1. Phần lớn lục địa O-xtray-li-a có khí hậu gì ? Vì sao ?

Câu 2. Nêu đặc điểm sinh vật của O-xtray-li-a? Nguyên nhân nào khiến Châu Đại Dương được gọi là “ Thiên đường xanh” của Thái Bình Dương ?

Câu 3. Nêu đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.

Câu 4. Đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực.

Phân môn: Lịch Sử

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã có chủ trương gì?

- A. Đánh du kích. B. Phòng thủ.
C. Đánh lâu dài. D. Tiến công trước để tự vệ.

Câu 2: Mục đích chính của Lý Thường Kiệt trong cuộc tấn công sang đất Tống cuối năm 1075 là:

- A. Đánh vào cơ quan đầu não của quân Tống

- B. Đánh vào nơi tập trung lương thực và khí giới để chuẩn bị đánh Đại Việt.
 C. Đánh vào khu vực đông dân để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
 D. Đòi lại phần đất đã mất do bị nhà Tống chiếm.

Câu 3: Tại sao Lý Thường Kiệt lại chủ động giảng hòa?

- A. Lý Thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.
 B. Để bảo toàn lực lượng và tài sản của nhân dân.
 C. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước và là truyền thống nhân đạo của dân tộc.
 D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 4: trên cơ sở phân tích diễn biến cuộc kháng chiến chống Tống (1075- 1077), em hãy cho biết tư tưởng xuyên suốt của cuộc kháng chiến là gì?

- A. Nhân đạo. B. Nhân văn. C. Chủ động. D. Bị động.

Câu 5: Trên đường kéo vào Thăng Long, quân Tống bị chặn đánh ở phòng tuyến nào?

- A. Sông Bạch Đằng. B. Nam Quan.
 C. Như Nguyệt. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 6: Vào thời gian nào quân Tống vượt qua ải Nam Quan qua Lạng Sơn tiến vào nước ta?

- A. Cuối năm 1076. B. Đầu năm 1077.
 B. Cuối năm 1075. D. Đầu năm 1076.

Câu 7: Giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, Lý Thường Kiệt đã làm gì?

- A. Tạm hòa hoãn với quân Tống để củng cố lực lượng trong nước.
 B. Chủ động kết thúc chiến tranh bằng thương lượng, đề nghị “Giảng hòa”.
 C. Tấn công, đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của Chăm- pa ở phía Nam.
 D. Đón địch, tiêu diệt lực lượng địch ngay khi chúng vừa đặt chân đến.

Câu 8: Sau khi rút quân khỏi thành Ung Châu, Lý Thường Kiệt cho quân bố phòng ở:

- A. Vùng đồng bằng. B. Vùng biên giới.
 C. Xung quanh trại địch. D. Trên đường địch tấn công.

Câu 9: Vị vua Lý nào nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở ra triều đại nhà Trần?

- A. Lý Cao Tông. B. Lý Anh Tông.
 C. Lý Chiêu Hoàng. D. Lý Huệ Tông.

Câu 10: Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?

- A. củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.
- B. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.
- C. Làm cho chế độ phong kiến suy yếu.
- D. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý.

Câu 11: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách của nhà Trần đối với giáo dục?

- A. Quốc Tử Giám được mở rộng để đào tạo con em quý tộc quan lại.
- B. Nhiều trường tư được khuyến khích thành lập.
- C. Các kỳ thi Nho học được tổ chức quy củ.
- D. Dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu.

Câu 12: Những công trình kiến trúc nổi tiếng nào đã được xây dựng vào thời Trần?

- A. Tháp Phổ Minh, chùa Một Cột.
- B. Tháp Phổ Minh, thành Tây Đô.
- C. Tháp Phổ Minh, chùa Thiên Mụ.
- D. Tháp Phổ Minh, chùa Tây Phương.

Câu 13: Chủ trương “ binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông” có nghĩa là:

- A. Quan trọng số lượng binh lính, không quan trọng chất lượng.
- B. Quan trọng chất lượng binh lính không quan trọng về số lượng.
- C. Cả chất lượng và số lượng binh lính đều quan trọng.
- D. Không xem trọng chất lượng và số lượng.

Câu 14: Ai là người có công lớn nhất trong việc sáng lập triều Trần?

- | | |
|-------------------|--------------------|
| A. Trần Cảnh. | B. Trần Thủ Độ. |
| C. Trần Khánh Dư. | D. Trần Quốc Tuấn. |

Câu 15: Điểm độc đáo trong bộ máy nhà nước thời Trần là:

- A. Các vua lên ngôi khi còn nhỏ tuổi.
- B. Các chức vụ quan trọng trong triều đều do những người đỗ đạt nắm giữ.
- C. Các vua nhà Trần thường nhường ngôi sớm, xưng là Thái thượng hoàng, hỗ trợ vua(con) trị nước.
- D. Nhiều chức quan và cơ quan mới được lập ra.

Câu 16: Trận phản công nào của quân dân nhà Trần đã đánh bại quân xâm lược Mông Cổ năm 1258?

- | | |
|-------------|------------------|
| A. Tây Kết. | B. Chương Dương. |
|-------------|------------------|

C. Đông Bộ Đầu.

D. Bình Lệ Nguyên.

Câu 17: Năm 1258, khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, quân dân nhà Trần đã làm gì?

- A. Thi hành kế sách “vườn không nhà trống”
- B. Quyết tâm chiến đấu để bảo vệ kinh thành.
- C. Thực hiện chiến thuật đánh du kích.
- D. Thực hiện kế sách tạm hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

Câu 18: Hội nghị Diên Hồng do nhà Trần tổ chức đã triệu tập những thành phần nào để bàn kế hoạch đánh giặc?

- A. Các quan lại cao cấp.
- B. Toàn bộ nhân dân Thăng Long.
- C. Các vương hầu, quý tộc.
- D. Các bô lão có uy tín.

Câu 19: Kế sách vườn không nhà trống được áp dụng trong lần kháng chiến nào?

- A. Chỉ sử dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất.
- B. Chỉ áp dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ hai.
- C. Chỉ áp dụng trong cuộc kháng chiến lần thứ ba.
- D. Được áp dụng trong cả ba lần.

Câu 20: Ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Đây là một trong số đó?

- A. Thiết lập một lực lượng quân đội hùng hãn.
- B. Sử dụng các loại vũ khí hiện đại.
- C. củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 21: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống Mông- Nguyên của quân dân Đại Việt?

- A. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia.
- B. Đóng góp vào truyền thống và nghệ thuật quân sự Việt Nam.
- C. Ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, góp phần làm suy yếu đế chế Nguyên.
- D. Đưa Đại Việt trở thành nước hùng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á.

Câu 22: Quân Minh lấy cơ nào để tiến hành xâm lược Đại Việt?

- A. Quý tộc Trần cầu cứu nhà Minh giúp đỡ.
- B. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần.
- C. Nhà Hồ không thực hiện chế độ triều cống nhà Minh.
- D. Quân đội nhà Hồ quấy nhiễu biên giới phía Nam.

Câu 23: Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa là

- A. Lang Chánh (Thanh Hóa).
- B. Tây Đô (Thanh Hóa).
- C. Lam Sơn (Thanh Hóa).
- D. Thọ Xuân (Thanh Hóa).

Câu 24: Sự kiện nào diễn ra vào đầu năm 1418?

- A. Lê Lợi cùng 18 hào kiệt tổ chức Hội thề Lũng Nhai(Thanh Hóa), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh.
- B. Lê Lợi Tự xưng là bình Định Vương, truyền Hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước.
- C. Vương Thông chính thức trở thành Tổng binh của quân Minh.
- D. Cuộc khởi binh đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn.

Câu 25: Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

- A. Chính sách cai trị tàn bạo độc ác của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.
- B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.
- C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.
- D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu những thành tựu về giáo dục và văn hóa thời Lý?

Câu 2: Hãy đánh giá nét độc đáo trong tổ chức phản công và chủ trương kết thúc chiến tranh của nhà Lý?

Câu 3: Hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị của Đại Việt dưới thời Trần?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

Câu 1: Quyền và nghĩa vụ của con, cháu

- A. Cấm ngược đãi và có hành vi xúc phạm ông bà, cha mẹ.
- B. Yêu quý, kính trọng, biết ơn cha mẹ, ông bà
- C. Chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà đặc biệt là những khi cha mẹ, ông bà đau ốm, bệnh tật
- D. Cả 3 đáp án trên đúng

Câu 2: Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con thành công dân có ích cho xã hội thuộc điều mấy:

- A. Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000
- B. Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000
- C. Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000
- D. Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000

Câu 3: Các hành vi: Đánh chửi bố mẹ, vô lễ với ông bà vi phạm điều gì?

- A. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.
- B. Quyền và nghĩa vụ của con, cháu.
- C. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- D. Quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

Câu 4: Theo Điều 34 thì:

- A. Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con, giữa con trai và con gái, con đẻ và con nuôi, con trong giá thú và con ngoài giá thú.
- B. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con
- C. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên
- D. Cả B, C đúng

Câu 5: Câu tục ngữ: Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần khuyên chúng ta điều gì?

- A. Anh, em phải đoàn kết, yêu thương lẫn nhau.
- B. Anh, em phải trung thực với nhau.
- C. Anh, em phải lo cho nhau.
- D. Anh, em phải có trách nhiệm với nhau.

Câu 6: Chế độ hôn nhân của nước ta là?

- A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.
- B. Bình đẳng, một vợ một chồng.
- C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.
- D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

Câu 7: Đối với các hành vi ngược đãi, xúc phạm cha mẹ, ông bà chúng ta cần phải làm gì?

- A. Lên án, phê phán, tố cáo.
- B. Nêu gương.
- C. Học làm theo.
- D. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.

Câu 8: Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của ông bà là?

- A. Dạy cháu điều hay lẽ phải.
- B. Chăm sóc các cháu.
- C. Dạy các cháu cách ứng xử, giao tiếp với người ngoài.
- D. Cả A, B, C.

Câu 9: Gia đình K lợi dụng mẹ già chiếm đoạt tài sản, chuyển nhượng sổ đỏ để lấy đất sau đó bán và đưa mẹ chồng vào trại dưỡng lão để không phải trông nom, chăm sóc. Việc làm đó nói lên điều gì?

- A. Con cái bất hiếu với cha mẹ.
- B. Con cái yêu thương cha mẹ.
- C. Con cái không tôn trọng cha mẹ.
- D. Con cái tôn trọng cha mẹ.

Câu 10: Bố và mẹ bất đồng trong quan điểm nuôi dạy con theo cách dạy của Nhật Bản và Việt Nam, ép con phải học theo những thứ mà bố mẹ thích. Việc làm đó nói lên điều gì?

- A. Bố mẹ không tôn trọng ý kiến của con.
- B. Bố mẹ không tôn trọng con.
- C. Bố mẹ vi phạm pháp luật.
- D. Bố mẹ không có nhận thức đúng đắn.

Câu 11: Gia đình là tế bào của xã hội... cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt.... Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con. Thuộc điều mấy của Hiến pháp 1992

- A. Điều 10
- B. Điều 15
- C. Điều 50
- D. Điều 64

Câu 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

- A. Cha mẹ và con cái
- B. Anh chị em.
- C. Ông bà và con cháu.
- D. Cả A, B, C.

Câu 13: Em hãy thử hình dung nếu không có tình yêu thương, sự chăm sóc dạy dỗ của ông bà cha mẹ thì em sẽ ra sao? Điều gì sẽ xảy ra nếu em không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị, em?

A. Nếu không có tình yêu thương, chăm sóc dạy dỗ của cha mẹ thì cuộc đời em sẽ đầy khó khăn, vất vả và bất hạnh.

B. Nếu không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị em là đứa con bất hiếu, sống không có đạo đức, gia đình bất hạnh, em sẽ bị xã hội lên án.

C. A, B đúng

D. A, B sai

Câu 14: Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình được thể hiện rõ nhất tại đâu?

A. Luật Hôn nhân và Gia đình.

B. Luật Trẻ em.

C. Luật lao động.

D. Luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Câu 15: Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là?

A. Nuôi dạy con.

B. Cho con đi học.

C. Dạy con học bài.

D. Cả A, B, C.

Câu 16: Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình được thể hiện rõ nhất tại đâu?

A. Luật Hôn nhân và Gia đình.

B. Luật Trẻ em.

C. Luật lao động.

D. Luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em

Câu 17: Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình được hiểu là?

A. Các thành viên trong gia đình đối xử công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau.

B. Tập thể gia đình quan tâm đến lợi ích của từng cá nhân, từng cá nhân phải quan tâm đến lợi ích chung của gia đình.

C. Các thành viên trong gia đình có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.

D. Tất cả các phương án trên

Câu 18: Các thành viên trong gia đình hòa thuận, yêu thương giúp đỡ nhau là thể hiện đặc điểm nào của xây dựng gia đình văn hóa?

A. Trách nhiệm các thành viên xây dựng đời sống vật chất.

B. Đời sống tình cảm của các thành viên trong gia đình.

C. Sinh hoạt văn hóa của các thành viên trong gia đình

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 19: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

A. Cha mẹ và con cái

B. Anh chị em.

C. Ông bà và con cháu.

D. Cả A, B, C.

Câu 20: Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là?

A. Nuôi dạy con.

B. Cho con đi học.

C. Dạy con học bài.

D. Cả A, B, C.

Câu 21: Cha mẹ cónuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con.

A. Quyền và trách nhiệm

B. Nghĩa vụ

C. Quyền và nghĩa vụ

Câu 22: Chế độ hôn nhân của nước ta là?

A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.

B. Bình đẳng, một vợ một chồng.

C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.

D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

Câu 23: Quyền và nghĩa vụ nuôi dạy con thành những người công dân tốt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con là nói về quyền và nghĩa vụ của ai?

A. Con cái đối với cha mẹ.

B. Ông bà đối với con cháu.

C. Anh chị em đối với nhau.

D. Bố mẹ đối với con cái.

Câu 24: Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình đã được quy định rõ trong

A. các quy định của cộng đồng.

B. các chuẩn mực đạo đức xã hội.

C. các văn bản hành chính.

D. pháp luật của Nhà nước.

Câu 25: Các hành động thể hiện quyền và nghĩa vụ của ông bà là?

A. Dạy cháu điều hay lẽ phải.

B. Chăm sóc các cháu.

C. Dạy các cháu cách ứng xử, giao tiếp với người ngoài.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 26: Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền và nghĩa vụ trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡngnếu cháu không có người nuôi dưỡng.

A. Cháu thành niên chưa lập gia đình

B. Cháu thành niên bị tàn tật

C. Cháu thành niên bị thất nghiệp

Câu 27: Các hành vi: Đánh chửi bố mẹ, vô lễ với ông bà vi phạm điều gì?

- A. Quyền và nghĩa vụ của trẻ em.
- B. Quyền và nghĩa vụ của con, cháu.
- C. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- D. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.

Câu 28: Các hành vi: Đánh chửi bố mẹ, vô lễ với ông bà vi phạm điều gì?

- A. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.
- B. Quyền và nghĩa vụ của con, cháu.
- C. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- D. Quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

Câu 29: Em hãy chọn cách phòng chống tệ nạn xã hội mà em cho là đúng nhất?

- A. Bắt hết các đối tượng tệ nạn xã hội đi cải tạo lao động
- B. Đưa ra phê phán ở cơ quan hoặc nơi lưu trú
- C. Phạt kinh tế đối với bậc cha mẹ cho con vi phạm
- D. Tạo công ăn việc làm

Câu 30: Tác hại của tệ nạn xã hội là?

- A. Ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và đạo đức con người.
- B. Làm tan vỡ hạnh phúc gia đình.
- C. Rối loạn trật tự xã hội, suy thoái giống nòi dân tộc.
- D. Cả A, B, C.

Câu 31: Ý nào sau đây không phải là biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội?

- A. Bản thân nhận thức được tác hại của tệ nạn xã hội.
- B. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội.
- C. Sống giản dị, lành mạnh.
- D. Chú trọng công việc làm ăn kinh tế hơn việc giáo dục con cái.

Câu 32: Các loại tệ nạn xã hội là?

- A. Tham nhúng, nghiện game không lành mạnh.
- B. Xâm hại tình dục trẻ em, trộm cắp, lừa đảo.
- C. Ma túy, mại dâm.
- D. Cả A, B, C.

Câu 33: Con đường nào ngắn nhất làm lây nhiễm HIV/AIDS?

- A. Ma túy, mại dâm
- B. Cờ bạc, rượu chè.

C. Xâm hại tình dục, bạo lực gia đình.

D. Cả A, B, C.

Câu 34: Tệ nạn xã hội là là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng về mọi mặt đối với đời sống xã hội được gọi là?

A. Tệ nạn xã hội.

B. Vi phạm pháp luật.

C. Vi phạm đạo đức.

D. Vi phạm quy chế.

Câu 35: Những ai cần phải phòng chống tệ nạn xã hội ?

A. Bản thân cá nhân

B. Gia đình

C. Xã hội

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 36: Hình thức cao nhất xử phạt vi phạm pháp luật là?

A. Tử hình.

B. Chung thân.

C. Phạt tù.

D. Cảnh cáo.

Câu 37: Trẻ dưới 14 tuổi khi vi phạm pháp luật áp dụng hình thức nào?

A. Đưa vào trường giáo dưỡng 1 năm kể từ ngày vi phạm.

B. Cảnh cáo.

C. Phạt tù.

D. Khuyến răn.

Câu 38: Đâu không phải là tác hại của tệ nạn xã hội:

A. Làm rối loạn trật tự xã hội

B. Là nguyên nhân lây truyền HIV-AIDS

C. Giữ gìn an ninh trật tự xã hội

D. Làm tan vỡ hạnh phúc gia đình

Câu 39: Người bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 20 tuổi trở lên.

Câu 40: Cách phòng chống tệ nạn xã hội hiệu quả nhất?

A. Đưa ra phê phán ở cơ quan hoặc nơi lưu trú.

B. Tạo công ăn việc làm.

C. Phạt kinh tế đối với bậc cha mẹ cho con vi phạm.

D. Bắt hết các đối tượng tệ nạn xã hội vào tù.

Câu 41: Chọn đáp án thích hợp nhất điền vào (...).

Những người nghiện ma túy....

A. Có quan hệ chặt chẽ với nhau.

B. Là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến con đường sa vào các tệ nạn xã hội.

C. Bắt buộc phải cai nghiện.

D. trong số những tệ nạn xã hội nguy hiểm nhất.

Câu 42: Con đường nào ngắn nhất làm lây nhiễm HIV/AIDS?

A. Xâm hại tình dục, bạo lực gia đình.

B. Cờ bạc, rượu chè.

C. Muối đốt.

D. Ma túy, mại dâm.

Câu 43: Ý nào sau đây không phải là biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội?

A. Sống giản dị, lành mạnh.

B. Bản thân nhận thức được tác hại của tệ nạn xã hội.

C. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội.

D. Chú trọng công việc làm ăn kinh tế hơn việc giáo dục con cái.

Câu 44: Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch

A. thói quen của xã hội.

B. chuẩn mực xã hội.

C. quy định của tập thể.

D. tập quán của cộng đồng.

Câu 45: Những hiện tượng xã hội nào sau đây không được coi là tệ nạn xã hội?

A. Đánh bạc

B. HIV/ AIDS.

C. Mê tín dị đoan

D. Sử dụng ma túy

Câu 46: Người bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

B. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 20 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 47: Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi vi phạm gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội.

A. Chuẩn mực của xã hội

B. Chuẩn mực đạo đức

C. Quy định của pháp luật

D. Đạo đức và pháp luật

Câu 48: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình đề cập đến các mối quan hệ nào?

A. Cha mẹ và con cái.

B. Anh chị em.

C. Ông bà và con cháu.

D. Cả A, B, C.

Câu 49: Cha mẹ có ... nuôi dạy con thành những công dân tốt, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con.

- A. quyền và trách nhiệm.
- B. nghĩa vụ.
- C. quyền và nghĩa vụ.
- D. trách nhiệm.

Câu 50: Trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu cháu không có người nuôi dưỡng là quyền và nghĩa vụ của chủ thể nào sau đây?

- A. Bố mẹ đối với ông bà.
- B. Ông bà đối với cháu.
- C. Anh chị em đối với nhau.
- D. Con cái với bố mẹ.

Câu 51: Câu tục ngữ: “Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần” khuyên chúng ta điều gì?

- A. Anh, em phải đoàn kết, yêu thương lẫn nhau.
- B. Anh, em phải trung thực với nhau.
- C. Anh, em phải lo cho nhau.
- D. Anh, em phải có nghĩa vụ với nhau.

Câu 52: Đối với các hành vi ngược đãi, xúc phạm cha mẹ, ông bà chúng ta cần có thái độ nào sau đây?

- A. Học làm theo.
- B. Nêu gương.
- C. Lên án, phê phán, tố cáo.
- D. Mặc kệ vì không liên quan đến mình.

Câu 53: Biểu hiện nào sau đây thể hiện con, cháu thực hiện đúng bốn phận, quyền và nghĩa vụ của mình trong gia đình?

- A. Anh chị em cãi vã, không thềm nhìn mặt nhau.
- B. Vô lễ với những người lớn tuổi hơn trong gia đình.
- C. Tận tình chăm sóc, nuôi dưỡng khi cha mẹ, ông bà già yếu, đau ốm.
- D. Luôn cho rằng ông bà, cha mẹ là gánh nặng của gia đình.

Câu 54: Trường hợp nào sau đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình?

- A. Con, cháu kính trọng, vâng lời ông bà cha mẹ.
- B. Cha mẹ tôn trọng việc lựa chọn nghề nghiệp của con.
- C. Cha mẹ yêu cầu các con không được làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức.
- D. Anh chị em tranh chấp, chiếm đoạt tài sản của nhau.

Câu 55: Thực hiện đúng bốn phận, quyền và nghĩa vụ của bản thân trong gia đình sẽ mang lại lợi ích nào sau đây?

- A. Giúp cho các thành viên trong gia đình sống hòa thuận.
- B. Xin được nhiều tiền để tiêu xài.
- C. Nhận được nhiều tài sản thừa kế từ người thân.
- D. Không được bố mẹ tôn trọng quyết định, lựa chọn của mình.

Câu 56: Hành động nào sau đây thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái?

- A. Nuôi dạy con.
- B. Cho con đi học.
- C. Dạy con học bài.
- D. Cả A, B, C.

Câu hỏi vận dụng:

Câu 57: Gia đình K lợi dụng mẹ già chiếm đoạt tài sản, chuyển nhượng sổ đỏ để lấy đất sau đó bán và đưa mẹ chồng vào trại dưỡng lão để không phải trông nom, chăm sóc. Việc làm đó nói lên điều gì?

- A. Con cái bất hiếu với cha mẹ.
- B. Con cái yêu thương cha mẹ.
- C. Con cái không tôn trọng cha mẹ.
- D. Con cái tôn trọng cha mẹ.

Câu 58: Em hãy thử hình dung nếu không có tình yêu thương, sự chăm sóc dạy dỗ của ông bà cha mẹ thì em sẽ ra sao? Điều gì sẽ xảy ra nếu em không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị, em?

- A. Nếu không có tình yêu thương, chăm sóc dạy dỗ của cha mẹ thì cuộc đời em sẽ đầy khó khăn, vất vả và bất hạnh.
- B. Nếu không làm tốt bổn phận và nghĩa vụ đối với cha mẹ, ông bà, anh chị em là đứa con bất hiếu, sống không có đạo đức, gia đình bất hạnh, em sẽ bị xã hội lên án.
- C. A, B đúng
- D. A, B sai

Câu 59: Các hành vi: Đánh chửi bố mẹ, vô lễ với ông bà vi phạm điều gì?

- A. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.
- B. Quyền và nghĩa vụ của con, cháu.
- C. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.
- D. Quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

Câu 60: Chế độ hôn nhân của nước ta là?

- A. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ.
- B. Bình đẳng, một vợ một chồng.
- C. Bình đẳng, tiến bộ, một vợ, một chồng.
- D. Bình đẳng, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng.

MÔN CÔNG NGHỆ 7

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Cho các bước để lập kế hoạch nuôi cá cảnh sau đây:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------|
| 1. Xác định loại cá cảnh để nuôi. | 2. Lí do lựa chọn. |
| 3. Lập kế hoạch. | 4. Tính chi phí. |

Trình tự nào sau đây đúng để lập kế hoạch nuôi cá cảnh?

- A. 1-2-3-4 B. 2-1-3-4 C. 3-1-2-3 D. 4-3-2-1

Câu 2. Bệnh nào sau đây có nguyên nhân do môi trường sống không thuận lợi?

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| A. Bệnh cảm nóng ở gà | C. Bệnh ghẻ ở chó |
| B. Bệnh cúm gia cầm | D. Bệnh còi xương ở lợn |

Câu 3. Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là...

- A. Quy hoạch, đưa trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.
 B. Vệ sinh chuồng nuôi, đưa chất thải chăn nuôi xuống ao hoặc sông, hồ.
 C. Vứt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.
 D. Cho chó, mèo đi vệ sinh ở các bãi cỏ hoặc ven đường.

Câu 4. Hoạt động nào trong chăn nuôi dưới đây có thể gây ô nhiễm môi trường?

- A. Xây hầm biogas để xử lí chất thải cho các trang trại chăn nuôi.
 B. Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.
 C. Thu chất thải để ủ làm phân hữu cơ.
 D. Thả rông vật nuôi, nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn.

Câu 5. Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| A. Bệnh truyền nhiễm | B. Bệnh không truyền nhiễm |
| C. Bệnh kí sinh trùng | D. Bệnh di truyền |

Câu 6. Đầu là định nghĩa đúng về “sữa đầu”?

- A. Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài trong khoảng 1 tuần.
 B. Sữa đầu là sữa chỉ được tiết ra khi con mẹ đã sinh con được 1 tuần và kéo dài trong khoảng 1 tuần tiếp theo.
 C. Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 2 tuần.
 D. Sữa đầu là sữa do con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 3 tuần.

Câu 7. Cần cho vật nuôi non bú sữa đầu càng sớm càng tốt vì:

- A. Sữa đầu chứa nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.
 B. Sữa đầu có chứa kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

C. Sữa đầu có chứa kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

D. Sữa đầu có chứa vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

Câu 8. Bệnh nào dưới đây do các vi sinh vật gây ra?

A. Bệnh giun, sán.

B. Bệnh cảm lạnh.

C. Bệnh dịch tả (gà rù).

D. Bệnh ve, rận.

Câu 9. Có mấy nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi?

A. 3 nguyên nhân chính.

B. 4 nguyên nhân chính.

C. 5 nguyên nhân chính.

D. 6 nguyên nhân chính.

Câu 10. Nếu thấy vật nuôi có hiện tượng bị dị ứng (phản ứng thuốc) khi tiêm vắc xin thì ta phải:

A. Tiếp tục theo dõi

B. Tiêm vắc xin trị bệnh cho vật nuôi

C. Cho vật nuôi vận động để tạo ra khả năng miễn dịch

D. Dùng thuốc chống dị ứng hoặc báo cho cán bộ thú y đến giải quyết kịp thời.

Câu 11. Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là:

A. Do thời tiết không phù hợp.

B. Do vi khuẩn và virus.

C. Do thức ăn không đảm bảo vệ sinh.

D. Do chuồng trại không phù hợp.

Câu 12. Nếu xây dựng chuồng gà lót nền một lớp đệm (trấu dăm bào, mùn cưa,...) thì lớp đệm này dày bao nhiêu?

A. 10 cm đến 15 cm

B. 15 cm đến 20 cm

C. 7 cm đến 10 cm

D. 5 cm đến 8 cm

Câu 13. Khi úm gà con, cần bỏ quây để gà đi lại tự do vào thời gian nào là phù hợp nhất?

A. Sau từ 1 đến 2 tuần tuổi.

C. Sau từ 3 đến 4 tuần tuổi.

B. Sau từ 2 đến 3 tuần tuổi.

D. Sau khoảng 8 tuần tuổi.

Câu 14. Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

A. Càng kín càng tốt, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

B. Có độ ẩm cao, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

C. Thông thoáng, ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

D. Có độ ẩm thấp, mát về mùa đông, ấm về mùa hè.

Câu 15. Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

A. Bệnh viêm dạ dày.

B. Bệnh giun đũa ở gà.

C. Bệnh ghẻ.

D. Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

Câu 16. Thức ăn vật nuôi dù là tự nhiên hay công nghiệp đều gồm mấy nhóm chất dinh dưỡng cơ bản?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 17. Sản phẩm nào sau đây không được chế biến từ thủy sản?

- A. Ruốc cá hồi. B. Xúc xích.
C. Cá thu đóng hộp. D. Tôm nõn

Câu 18. Biện pháp nào làm ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng sức khỏe con người?

- A. Quản lí tốt chất thải, nước thải
B. Thực hiện tốt biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, phòng dịch bệnh.
C. Khuyến khích các hộ nuôi trồng tăng cường áp dụng tiến bộ kĩ thuật.
D. Tăng cường sử dụng kháng sinh, hóa chất.

Câu 19. Hình thức khai thác thủy sản nào sau đây là đúng quy định?

- A. Sử dụng thuốc nổ.
B. Sử dụng kích điện.
C. Khai thác trong mùa sinh sản.
D. Sử dụng lưới có kích cỡ mắt lưới cho phép.

Câu 20. Có mấy hình thức thu hoạch cá ao?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 21. Trong nuôi cá thương phẩm, hằng ngày nên cho cá ăn hai lần vào thời gian nào sau đây?

- A. 6- 7 giờ sáng và 1- 2 giờ chiều. B. 7- 8 giờ sáng và 2 - 3 giờ chiều.
C. 8- 9 giờ sáng và 3 - 4 giờ chiều. D. 9- 10 giờ sáng và 4 - 5 giờ chiều.

Câu 22. Thả cá giống vào ao theo cách nào sau đây là đúng?

- A. Ngâm túi đựng cá giống trong nước ao từ 15 phút đến 20 phút trước khi thả rồi thả nhanh nhưng nhẹ nhàng.
B. Đổ cả túi cá xuống ao cùng lúc.
C. Bắt từng con cá giống thả xuống ao.
D. Thích thả thế nào cũng được không quan trọng.

Câu 23. Loài cá thường được nuôi làm cảnh:

- A. Cá rô B. Cá Koi C. Cá trê D. Cá quả

Câu 24. Chuồng gà có sàn làm cách nền bao nhiêu?

- A. 20 cm B. 30 cm C. 50 cm D. 40 cm

Câu 25. Rau muống cho gà thuộc nhóm chất dinh dưỡng nào?

- A. Vitamin và khoáng C. Chất béo
B. Tinh bột D. Đạm

Câu 26. Gà dưới 1 tháng tuổi cần ăn loại thức ăn nào?

- A. Giàu đạm và ăn tự do C. Giàu chất béo
B. Giàu tinh bột D. Vitamin và chất khoáng

Câu 27. Vệ sinh cho gà cần đảm bảo:

- A. Ăn sạch C. Uống sạch
B. Ở sạch D. Cả 3 đáp án trên

Câu 28. Chương trình Công nghệ 7, kết nối giới thiệu mấy loại bệnh phổ biến ở gà?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 29. Nguyên nhân bệnh tiêu chảy ở gà là:

- A. Nhiễm khuẩn từ thức ăn B. Nhiễm khuẩn từ nước uống
C. Nhiễm khuẩn từ môi trường D. Cả 3 đáp án trên

Câu 30. Biểu hiện bệnh tiêu chảy ở gà là:

- A. Ăn ít B. Phân lỏng C. Ủ rũ D. Cả 3 đáp án trên

Câu 31. Biểu hiện bệnh cúm gia cầm:

- A. Sốt cao B. Mào thâm tím
C. Khó thở D. Cả 3 đáp án trên

Câu 32. Dùng thuốc trị bệnh cho gà cần tuân thủ mấy nguyên tắc?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 33. Gà từ 1 đến 3 tháng tuổi cho ăn cách nhau giữa các lần là:

- A. 2 giờ B. 3 – 4 giờ C. 4 giờ D. 1 giờ

Câu 34. Con vật nào dưới đây thuộc nhóm gia cầm?

- A. Dê B. Lợn C. Gà D. Trâu

Câu 35. Vai trò nào dưới đây Không phải là vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp nguồn lương thực cho con người sử dụng
B. Cung cấp nguồn thực phẩm cho con người sử dụng.
C. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến.
D. Cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt.

Câu 36: Đặc điểm chung của vật nuôi non là gì?

- A. Sức đề kháng tốt
B. Lớn nhanh, ít bệnh
C. Khả năng điều tiết thân nhiệt chưa tốt
D. Chức năng các cơ quan hoàn chỉnh

Câu 37. Biện pháp nào dưới đây Không phù hợp với quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

- A. Giữ ấm cho vật nuôi
B. Cho con non bú sữa đầu của mẹ
C. Vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ
D. Hạn chế cho vật nuôi tiếp xúc ánh nắng sáng sớm

Câu 38. Thời gian mang thai của mèo là khoảng

- A. 29 - 31 ngày B. 60 - 63 ngày
C. 58 - 68 ngày D. 113 - 115 ngày

Câu 39. Bệnh nào dưới đây là do vi sinh vật gây bệnh ở Mèo?

- A. Bệnh ghẻ B. Bệnh dại
C. Bệnh giun đũa D. Bệnh rụng lông

Câu 40. Những việc nên làm khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh?

- A. Mang vật nuôi sang nơi khác để tránh dịch.

B. Bán nhanh những con khỏe, mổ thịt những con ốm.

C. Vớt xác vật nuôi xuống ao.

D. Báo cho cán bộ thú y đến kiểm tra.

Câu 41. Thức ăn cho gà là cá nhỏ thuộc nhóm dinh dưỡng?

A. Đạm

B. Tinh bột

C. Chất béo

D. Vitamin và chất khoáng

Câu 42. Trong các nhóm thức ăn sau đây, sử dụng nhóm thức ăn nào cho gà là đảm bảo đủ chất dinh dưỡng?

A. Gạo, thóc, ngô, khoai lang, bột cá.

B. Rau muống, cơm nguội, ngô, thóc, rau bắp cải.

C. Ngô, bột cá, rau xanh, khô dầu lạc, cám gạo.

D. Bột ngô, rau xanh, cám gạo, cơm nguội, khoai lang.

Câu 43. Vai trò nào sau đây Không phải là vai trò của thủy sản?

A. Cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

C. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

D. Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Câu 44. Loài thủy sản nào dưới đây có giá trị xuất khẩu cao?

A. Cá rô phi

B. Cá chép

C. Cá basa

D. Cá mè

Câu 45. Hình thức đánh bắt thủy sản nào dưới đây bị nghiêm cấm?

A. Sử dụng cần câu

B. Sử dụng lưới

C. Sử dụng vó

D. Sử dụng thuốc nổ

Câu 46. Phơi đáy ao khoảng bao nhiêu ngày thì tiến hành lấy nước vào ao?

A. 1 - 2 ngày.

C. 6 - 8 ngày.

B. 3 - 5 ngày

D. 10 ngày trở lên.

Câu 53. Hình thức “thu tía” cá nuôi trong ao được áp dụng trong trường hợp nào?

A. Khi cá lớn.

B. Mật độ nuôi dày.

C. Khi cá nuôi trong ao đạt kích cỡ thương phẩm.

D. Khi cá lớn và mật độ nuôi dày.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Khi dùng thuốc trị bệnh cho gà cần tuân thủ theo nguyên tắc nào?

Câu 2. Em hãy giải thích phương châm “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”.

Câu 3. Đề xuất bốn loại nguyên liệu (thuộc bốn nhóm dinh dưỡng) sẵn có trong gia đình, địa phương em phù hợp để làm thức ăn cho gà.

Câu 4. Nêu nguyên nhân, biểu hiện bệnh tiêu chảy ở gà?

Câu 5. Tại sao phải giảm thức ăn cho cá vào ngày thời tiết xấu hoặc khi nước ao bẩn?

MÔN TIẾNG ANH 7

Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 7 – Unit 11

UNIT 7 TRAFFIC

1. IT indicating distance

Sử dụng “it” làm chủ ngữ để chỉ khoảng cách

Ex: It is about 300 meters from my house to the bus stop.

2. should / shouldn't

Should /shouldn't được dùng để khuyên ai nên hay không nên làm gì .

(+) *S + should + V (nguyên mẫu)*

(-) *S + should not + V (nguyên mẫu)*

(?) *Should + S + V (nguyên mẫu) ?*

3. Pronunciation : / ai/ và/ei/

UNIT 8 FILMS

1. Tính từ “ed” và “ing”

- Một tính từ có thể được thành lập bằng cách thêm “ed” hoặc “ing” sau động từ

Eg : Interest -> interested, interesting

Disappoint -> disappointed, disappointing

- Sử dụng tính từ đuôi “ed” để mô tả cảm giác, cảm xúc của một ai khi bị một sự việc, vật tác động/

Eg : The film was long, and I was bored.

(Bộ phim tác động làm tôi có cảm giác buồn chán)

- Sử dụng tính từ đuôi “ing” để mô tả về tính chất của vật việc

Eg : The film was boring.

2. Từ nối ALTHOUGH, DESPITE/INSPITE OF, HOWEVER, NEVERTHELESS

Mặc dù

Although/ though/ even though/ much as + mệnh đề

Despite/ in spite of + cụm danh từ

Tuy nhiên

Mệnh đề. *However/ Nevertheless, (dấu phẩy) mệnh đề*

3. Pronunciation : / ɪə/ và / eə/

UNIT 9 FESTIVALS AROUND THE WORLD

1. Câu hỏi với Yes / No questions

2. Cách thành lập câu hỏi Yes / No

a. Với động từ to be

To be + S + ?

Yes , S + to be.

No , S + to be + not .

b. Với động từ thường .

Auxiliary Verbs + S + V?

Yes , S + Auxiliary Verbs.

No , S + Auxiliary Verbs + not .

3. Với động từ khuyết thiếu .

Modal verbs + S + V ?

Yes , S + modal verbs .

No , S + modal verbs + not .

3. Pronunciation: 2 syllables

Danh từ, tính từ: nhấn âm 1/ Động từ: nhấn âm 2

UNIT 10: SOURCES OF ENERGY

1. Thì hiện tại tiếp diễn

Diễn tả một sự việc đang xảy ra tại thời điểm hiện tại .

Nói về các kế hoạch trong tương lai .

(+) S + be (is/are / am) + V-ing + O .

(-) S + be not (Is/ are /am + not) + V-ing + O .

(?) Be (Is / Are/ Am) + S + V-ing + O ?

2. Pronunciation 3 syllables

UNIT 11: TRAVELLING IN THE FUTURE

1. Future simple : Will (Tương lai đơn : Will)

Được dùng để nói về hành động , sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai .

Diễn tả một dự đoán .

(+) *S + will + Vg + O .*

(-) *S + will not + V + O .*

(?) *Will + S + V + O ?*

2. Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)

Subject Pronouns	I	YOU	WE	THEY	HE	SHE	IT
Possessive Adjectives	MY	YOUR	OUR	THEIR	HIS	HER	ITS
Possessive Pronouns	MINE	YOURS	OURS	THEIRS	HIS	HERS	ITS

Đại từ sở hữu dùng để thay thế cho tính từ sở hữu và danh từ khi không muốn lặp lại danh từ.

Ex: It's my book ==> It's mine. (= my book)

----They're her keys ==> They're hers. (= her keys)

Như vậy ta phải nói danh từ đó trước rồi mới thay thế.

Lưu ý, vì đại từ sở hữu đã thay thế danh từ nên sẽ không bao giờ có danh từ sau đại từ sở hữu.

Ex: My father is tall. Theirs (= their father) is short.

Nhấn âm (review) 5 NGUYÊN TẮC – 2 LƯU Ý

1. NGUYÊN TẮC 1: 2 âm tiết

Danh từ, tính từ: 1st

Động từ: 2nd

- Nếu động từ tận bằng các âm “ngắn” và “nhẹ”:ow, el, er... thì nhấn âm còn lại

2. NGUYÊN TẮC 2: 3 âm tiết

Danh từ, tính từ: 1st

Động từ:

- Các động từ 3 âm tiết có âm tiết cuối chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc nhiều hơn một phụ âm thì **âm tiết đầu nhận trọng âm**.
- Nếu âm tiết cuối chứa nguyên âm ngắn ow, el, er... hoặc kết thúc không nhiều hơn một nguyên âm thì **âm tiết thứ 2 sẽ nhận trọng âm**.

3. NGUYÊN TẮC 3: Từ ghép

Danh từ, tính từ: 1st

Động từ: 2nd

4. NGUYÊN TẮC 4: từ 3 âm tiết trở lên

Nhấn âm thứ 3 từ sau tính đến trước.

5. NGUYÊN TẮC 5: HẬU TỔ.

Các từ chứa các hậu tố sau đây âm nhấn rơi vào âm trước nó.

	® Economic		
1. ic	® Economical	8. acy	® Democracy
2. ical	® Succession	9. ian	® Musician
3. sion	® Suggestion	10. id	® Stupid
4. tion	®	11. ible	® Possible
5. aphy	Photography	12. ish	® Foolish
6. ogy	® Biology	13. tial	® Confidential
7. ity	® Able -> ability	14. ious	® hilarious

LƯU Ý

Lưu ý 1: các hậu tố không ảnh hưởng đến âm nhấn của từ:	Lưu ý 2: các hậu tố nhấn trọng âm
1. Able	1. Ain
2. Ly	2. Oo
3. Less	3. Ee
4. Ing	4. Eer

5. D	5. Ese
6. En	6. Ette
7. Ment	7. Esque
8. Full	8. End
	9. Ique
	10. Mental

MÔN TIN HỌC 7

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Hàm **MIN** dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tính trung bình cộng
- C. Xác định giá trị lớn nhất
- D. Xác định giá trị nhỏ nhất

Câu 2: Trên trang tính, để điều chỉnh độ rộng của cột, trước tiên ta phải

- A. đưa chuột đến đường biên bên dưới của tên cột.
- B. đưa chuột đến đường biên bên trái của tên cột.
- C. đưa chuột đến đường biên bên phải của tên cột.
- D. đưa chuột đến đường biên bên trên của tên cột.

Câu 3: Mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng ngôn ngữ tự nhiên gồm có mấy bước?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 4: Thuật toán tìm kiếm nhị phân thực hiện trên danh sách nào?

- A. Đã được hoán đổi.
- B. Đã được sắp xếp.
- C. Đã được chỉnh sửa
- D. Cả A, B

Câu 5: Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

- A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc.
- B. Thông báo “Tìm thấy”.
- C. Thông báo “Tìm thấy” và kết thúc.
- D. Thông báo “Không tìm thấy” và kết thúc.

Câu 6: Trong PowrePoint, cách nào sau đây không phải là cách chèn hình ảnh vào trang chiếu.

- A. Chọn Insert/Pictures
- B. Chọn Insert/ Online Pictures
- C. Chọn Design, sau đó chọn mẫu trong Themes.
- D. Chọn lệnh Copy và Paste

Câu 7: Phương án nào sai?

- A. Sử dụng phần mềm trình chiếu để tạo ra các bài trình chiếu.
- B. Phần mềm trình chiếu cũng giống hoàn toàn như phần mềm soạn thảo văn bản.
- C. Phần mềm trình chiếu có các chức năng cơ bản là tạo bài trình chiếu dưới dạng một tệp và trình chiếu.
- D. Có thể xử lý văn bản, chèn hình ảnh, đồ họa, ... trên các trang chiếu.

Câu 8: Tại sao chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn?

- A. Để thay đổi đầu vào của bài toán.
- B. Để thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.
- C. Để bài toán dễ giải quyết hơn.

D. Đề bài toán khó giải quyết hơn.

Câu 9. Câu nào không đúng khi nói về đặc điểm của các hàm SUM, AVERAGE, MAX, MIN, COUNT?

A. Chỉ tính toán trên các ô tính chứa dữ liệu kiểu số.

B. Bỏ qua các ô tính chứa dữ liệu kiểu chữ.

C. Bỏ qua các ô tính trống.

D. Tính toán trên tất cả các ô tính chứa dữ liệu kiểu chữ hay ô tính trống.

Câu 10. Trong các cách viết hàm dưới đây, cách viết nào là sai?

A. =SUM(2,5,7)

B. =Sum(A3,C3:F3)

C. =SuM(10,15,b2:B10)

D. =sum“D2:08”.

Câu 11: Phần mềm nào là phần mềm trình chiếu?

A. Microsoft Word.

B. Mozilla Firefox.

C. Microsoft PowerPoint.

D. Microsoft Excel.

Câu 12: Khi so sánh giá trị cần tìm với giá trị của vị trí giữa, nếu giá trị cần tìm nhỏ hơn giá trị giữa thì:

A. Tìm trong nửa đầu của danh sách.

B. Tìm trong nửa sau của danh sách.

C. Dừng lại.

D. Tìm trong nửa đầu hoặc nửa sau của danh sách.

Câu 13: Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần thực hiện bao nhiêu bước lặp để thông báo không tìm thấy số 15 trong danh sách [3, 5, 7, 11, 12, 25]?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 14: Phần mềm trình chiếu có các chức năng:

A. Chỉ tạo bài trình chiếu.

B. Chỉ hiển thị các trang nội dung lên màn hình.

C. Chỉ để xử lý đồ họa.

D. Tạo bài trình chiếu và hiển thị nội dung các trang chiếu trên màn hình hoặc màn chiếu.

Câu 15. Cho dãy số 2, 4, 6, 8, 9. Bài toán “Tìm vị trí của số 8 trong dãy”, có phạm vi tìm kiếm là:

A. Nửa dãy đầu.

B. Nửa dãy sau.

C. Tất cả dãy.

D. Không có phạm vi.

Câu 16: Trong PowrePoint, em mở thẻ nào để định dạng văn bản.

A. Insert.

B. Design.

C. Home.

D. View.

Câu 17: Ô A1 của trang tính có số 73.45. Sau khi chọn ô A1, nhấp chuột 1 lần vào nút thì kết quả hiển thị ở ô A1 sẽ là:

A. 73

B. 73. 450

C. 7345

D. 73450

Câu 18. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 4 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12]. Đầu ra của thuật toán là gì?

A. Thông báo “Không tìm thấy”.

B. Thông báo “Tìm thấy”.

C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 4 của danh sách.

D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

Câu 19. Chọn câu diễn đạt đúng hoạt động của thuật toán nhị phân:

A. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

B. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

C. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

D. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

Câu 20. Cho dãy số: 47, 35, 36, 11, 36, 46, 36, 63, 36, 18, 24. Để tìm số 36 trong dãy số này bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự, ta cần thực hiện bao nhiêu lần lặp?

A. 3 lần.

B. 5 lần.

C. 7 lần.

D. 9 lần.

Câu 21: *Phương án nào sau đây để xóa một trang tính:*

A. Nháy chuột vào tên trang tính rồi nhấn phím **Delete**

B. Nháy chuột phải vào tên trang tính và chọn **Delete**

C. Nháy đúp chuột vào tên trang tính rồi nhấn phím **Delete**

D. Nháy đúp chuột vào tên trang tính rồi nhấn phím **Backspace**

Câu 22: *Muốn thay đổi cỡ chữ trên trang tính, em chọn:*

A. Các ô cần định dạng, chọn Font color, chọn cỡ chữ, chọn OK

B. Các ô cần định dạng, chọn Format, chọn cỡ chữ, chọn OK

C. Ô (hoặc các ô) cần định dạng, nháy vào mũi tên ở ô Font size, chọn cỡ chữ thích hợp

D. Nháy vào mũi tên ở ô Font size, chọn cỡ chữ thích hợp

Câu 23: *Phương án nào sai?*

A. Phần mềm trình chiếu cho phép người sử dụng trình bày thông tin dưới hình thức trình chiếu.

B. Phần mềm trình chiếu có các hiệu ứng giúp làm cho nội dung trình bày thêm sinh động và ấn tượng.

C. Phần mềm trình chiếu thường được sử dụng để tạo bài trình chiếu trong các hội thảo, dạy học, tạo album với các hiệu ứng hoạt hình.

D. Không thể in trên giấy các tệp được tạo bởi phần mềm trình chiếu.

Câu 24: Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì ?

A. Lưu trữ dữ liệu

B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lý dữ liệu.

D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho.

Câu 25. Ưu điểm của thuật toán tìm kiếm nhị phân là:

- A. Thu hẹp được phạm vi tìm kiếm chỉ còn tối đa là một nửa sau mỗi lần lặp.
 B. Số lần lặp tương tự như thuật toán tìm kiếm tuần tự.
 C. Thuật toán chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn giúp tăng hiệu quả tìm kiếm.
 D. Cả A và C

Câu 26: Trên trang tính, để điều chỉnh độ rộng của cột, trước tiên ta phải

- A. đưa chuột đến đường biên bên dưới của tên cột.
 B. đưa chuột đến đường biên bên trái của tên cột.
 C. đưa chuột đến đường biên bên phải của tên cột.
 D. đưa chuột đến đường biên bên trên của tên cột.

Câu 27: Phần mềm nào là phần mềm bảng tính?

- A. Microsoft Word. B. Microsoft Excel.
 C. Microsoft PowerPoint. D. Mozilla Firefox.

Câu 28: Phần mềm trình chiếu có các chức năng:

- A. Chỉ tạo bài trình chiếu.
 B. Chỉ hiển thị các trang nội dung lên màn hình.
 C. Chỉ để xử lý đồ họa.
 D. Tạo bài trình chiếu và hiển thị nội dung các trang chiếu trên màn hình hoặc màn chiếu.

Câu 29: Trong PowerePoint, em mở thẻ nào để định dạng văn bản.

- A. Insert. B. Design. C. Home. D. View.

Câu 30: Nên sử dụng các hiệu ứng động ở mức độ:

- A. Càng nhiều càng tốt
 B. Mỗi nội dung nên tạo nhiều hiệu ứng
 C. Mức độ vừa phải
 D. Không nên tạo hiệu ứng động

Câu 31: Các thao tác có thể thực hiện đối với hình ảnh được chèn vào trang chiếu?

- A. Di chuyển, co giãn, thay đổi thứ tự trên dưới
 B. Thay đổi thứ tự trên dưới
 C. Di chuyển, thay đổi thứ tự trên dưới
 D. Thay đổi kích thước, vị trí, thứ tự trên dưới, độ đậm nhạt, độ sáng tối, cắt xén bớt một hoặc nhiều cạnh, xoay, tạo viền, tạo hiệu ứng động...

Câu 32: Em có thể cài đặt thuộc tính cho hiệu ứng thực hiện lặp lại

- A. 1 lần B. 2 lần
 C. 5 lần D. Bao nhiêu lần tùy ý

Câu 33: Khi muốn căn lề giữa nội dung, em thực hiện như thế nào?

- A. Chọn nội dung/vào hộp thoại Paragraph/Chọn lệnh căn giữa
 B. Chọn nội dung/vào hộp thoại Font/Chọn lệnh căn giữa
 C. Chọn nội dung/vào hộp thoại Clipboard/Chọn lệnh căn giữa
 D. Chọn nội dung/vào hộp thoại Drawing/Chọn lệnh căn giữa

Câu 34: Hàm *AVERAGE* dùng để:

- A. Tính tổng
B. Tính trung bình cộng
C. Xác định giá trị lớn nhất
D. Xác định giá trị nhỏ nhất

Câu 35: Tại sao chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn?

- A. Để thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.
B. Để thay đổi đầu vào của bài toán.
C. Để bài toán dễ giải quyết hơn.
D. Để bài toán khó giải quyết hơn.

Câu 36: Tìm công thức gõ sai:

- A. = MIN (C4: C10)
B. = Max(47, D8, D9)
C. =15x4-30
D. = SUM(12, 8, 23)

Câu 37. Trong bảng tính MS Excel, tại ô A5 ta nhập công thức $=(A2+A3*2+A4*3)/6$. Khi sao chép công thức này đến ô tính E5 thì kết quả nhận được tại ô E5 là:

- A. $=(A2+A3*2+A4*3)/6$
B. $=(A2+B3*2+C4*3)/6$
C. $=(A5+B5*2+C5*3)/6$
D. $=(E2+E3*2+E4*3)/6$

Câu 38: Đây là kiểu dữ liệu dạng số trong chương trình bảng tính?

- A. 6A1
B. 123@
C. 15/11/2022
D. 9.5

Câu 39: Dữ liệu được nhập vào ô tính sẽ được căn như thế nào?

- A. Căn lề giữa
B. Căn lề trái
C. Căn phải
D. Tùy thuộc vào kiểu dữ liệu là số, văn bản, ngày tháng

Câu 40: Em có thể sử dụng công thức để thực hiện tính toán với các kiểu dữ liệu nào?

- A. Số
B. Văn bản
C. Ngày tháng
D. Cả số và ngày tháng

II. TỰ LUẬN

Câu 41: Em hãy nêu ưu điểm của việc sử dụng cấu trúc phân cấp trong bài trình chiếu.

Câu 42. Em hãy thực hiện dự án về quy trình xử lý rác thải sinh hoạt tại nơi em sinh sống. Trong đó có trang chiếu ghi lại quy trình và sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.

Câu 43. Em hãy viết các bước lập thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm tên bạn “Hòa” trong danh sách như hình sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9
An	Bình	Hòa	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước

Câu 44

Cho bảng điểm môn Toán học của các học sinh trong tổ hai như sau:

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Điểm</i>
1	Nguyễn Văn Anh	7.5
2	Hoàng Văn Bình	6.0
3	Nguyễn Minh Châu	9.5
4	Nguyễn Thị Hoa	7.2
5	Trần Ánh Nguyệt	8.1
6	Nguyễn Như Ánh	9.4
7	Trần Hồng Thanh	5.9
8	Hoàng Minh Đức	9.3
9	Đỗ Như Long	7.8

Em hãy liệt kê các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để Học sinh có điểm môn Tin là 7.2